

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2019/HS-ST**
Ngày: 28/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thảo, ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HS ngày 15/3/2019 đối với bị cáo:

Cao Văn T, sinh năm 1996. ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Cao Văn L và bà Hoàng Thị T. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai. Tiền sự: Chưa. Tiền án: Tại Bản án số 03/2017/HSST ngày 16/01/2017, bị TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (*ra trại ngày 28/02/2017, chưa được xóa án tích*). Nhân thân: Tại Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 28/6/2011, bị Chủ tịch UBND huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2018 đến ngày 29/12/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Trịnh Văn S, sinh năm 1991.

Trú quán: Thôn 2, xã D, huyện V, Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nhữ Văn S, sinh năm 1998.

Trú quán: Số 5 N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số 2 khu tập thể bách hóa tổng hợp, đường H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện V, Hải Phòng.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn T và anh Trịnh Văn S là bạn quen biết. Chiều ngày 08/5/2018, T nhắn tin và gọi điện thoại cho anh S hỏi mượn xe máy chở bạn gái đi chơi rồi về trả ngay thì anh S đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T và bạn gái là Nguyễn Thùy T1 đến nhà hàng H ở số 116 Q, phường B, thành phố H gặp anh S. T tiếp tục hỏi mượn xe máy của anh S để chở T1 đi chơi và hỏi mượn chìa khóa phòng trọ của anh S để khi đi chơi về T sẽ vào đó nghỉ. Anh S giao chìa khóa xe máy kèm chìa khóa phòng trọ và chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter 135, BKS 15E1-010.93 cho T mượn. T điều khiển xe máy của anh S chở T1 đi chơi đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì nảy sinh mục đích mang xe đi bán lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. T chở T1 về phòng trọ của anh S ở ngõ 37 Q, phường B, thành phố H rồi lấy trong ví của anh S để ở gần cửa phòng vệ sinh 01 bản gốc giấy đăng ký xe BKS 15E1-010.93 và 01 bản phô tô chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn Hưng, 01 giấy mua bán xe. T chở T1 về nhà rồi một mình đem xe máy bán cho anh Nhữ Văn S1 được số tiền 17.300.000đ. Sau đó T bỏ đi Hưng Yên để trốn tránh việc anh S tìm T đòi xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 06/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự- UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter 135, BKS 15E1-010.93 là 18.880.000đ.

Quá trình điều tra: Cao Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Anh Nhữ Văn S1 đã bán xe máy mua của T cho khách hàng không rõ họ tên, địa chỉ được 18.200.000đ. Anh Trịnh Văn S yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 20.000.000đ.

Tại Cáo trạng 41/CT-VKSTPHD ngày 05/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Cao Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy

tố và trình bày chỉ T1 không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo, không biết việc bị cáo mang xe máy của anh S đi bán. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh S đề nghị bị cáo phải bồi thường trị giá xe máy theo kết luận của Hội đồng định giá là 18.880.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố Cao Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 48 BLHS; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 581, 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự (BLDS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Xử phạt Cao Văn T từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/12/2018. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trịnh Văn S số tiền 18.880.000đ. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 900.000đ của anh Nhữ Văn S1. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và án phí DSST theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về hành vi của bị cáo:* Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 08/5/2018, tại nhà hàng H ở số 116 Q, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Cao Văn T mượn của anh Trịnh Văn S 01 chiếc xe máy Yamaha Exciter 135, BKS 15E1-010.93 trị giá 18.880.000đ để chở bạn đi chơi. Sau đó T nảy sinh mục đích chiếm đoạt và đã mang chiếc xe trên đi bán rồi bỏ trốn để không phải trả lại xe máy cho anh S.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực TNHS, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài mà không phải lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng việc không trả lại tài sản cho chủ sở hữu như đã thỏa thuận khi mượn tài sản mà đem tài sản đi bán rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 18.880.000đ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và xử lý đối với bị cáo:* Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị Chủ tịch UBND huyện T áp dụng

biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 28/6/2011. Tại bản án số 03/2017/HSST ngày 16/01/2017, bị TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chưa được xoá án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo là người có nhân thân xấu, có tiền án, quá trình cơ quan CSĐT xác minh vụ việc đã bỏ trốn nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung có hiệu quả. HĐXX sẽ xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo bán xe máy Yamaha Exciter 135, BKS 15E1-010.93 của anh Trịnh Văn S cho anh Nhữ Văn S1 được 17.300.000đ. Anh S1 đã bán lại xe cho khách hàng không biết họ tên, địa chỉ với số tiền 18.200.000đ nên không thu hồi được xe. Vì vậy anh S yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá xe máy bị chiếm đoạt 18.880.000đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Anh S1 được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình thì phải hoàn trả hoa lợi, lợi tức thu được theo quy định tại khoản 2 Điều 581 BLDS. Vì vậy cần tịch thu của anh S1 số tiền chênh lệch do mua bán chiếc xe máy Yamaha Exciter 135, BKS 15E1-010.93 mà có là 900.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Chị Nguyễn Thùy T1 đi cùng bị cáo, anh Nhữ Văn S1 mua xe máy của bị cáo nhưng không biết việc phạm tội của bị cáo nên đều không bị xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 581 và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân

sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt Cao Văn T **20 (hai mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/12/2018.

3. Buộc Cao Văn T phải bồi thường cho anh Trịnh Văn S số tiền 18.880.000đ (*mười tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*) của anh Nhữ Văn S1 (*chưa thu*).

5. Cao Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 944.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại được quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an TP. Hải Dương;
- Phòng HSNV Công an TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; người bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thuý